

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 09 - 4 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Vũ C, sinh năm 1985 tại huyện H1, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Gi, huyện H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ D (đã chết) và bà Ngô Thị H2 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 05/5/2016, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2017; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/8/2009, bị Tòa án nhân dân huyện H1, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2010, bị Ủy ban nhân dân huyện H1, Thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; danh bản, chỉ bản số 057 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 01/2/2019; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2019 đến nay; có mặt.

2. Đặng Tài H, sinh năm 1984 tại huyện H1, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C1, xã Gi, huyện H1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Tài C (tên gọi khác Đặng Tài X, đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 05/6/2015, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2017, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009, bị Ủy ban nhân dân huyện H1, Thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; danh bản, chỉ bản số 042 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 14/01/2019; bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2019, đến ngày 10/01/2019 được tại ngoại; tạm giam: Không (hiện bị cáo đang bị Công an huyện Đ tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác); có mặt.

3. Nguyễn Công Đ1, sinh năm 1984 tại huyện H1, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Gi, huyện H1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công V và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010, bị Ủy ban nhân dân huyện H1, Thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; danh bản, chỉ bản số 043 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 14/01/2019; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019, đến ngày 10/01/2019 được tại ngoại; tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Xuân Đ2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Cụm 9, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Cụm 9, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Xuân H4, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn C1, xã Gi, huyện H1, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Gi, huyện H1, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/01/2019, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Công Đ1 đều ở thôn Tr, xã Gi đến nhà Đặng Tài H ở thôn C1, xã Gi, huyện H1, Thành phố Hà Nội, để chơi. Sau đó, cả ba cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. C điều khiển xe máy biển kiểm soát 29X5-264.54 của Đ1 và chở H ngồi giữa, Đ1 ngồi sau, đến khu vực xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để trộm cắp tài sản. Khi đến Cụm 9, xã L thì cả ba

phát hiện thấy có 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momentum, biển kiểm soát 29MĐ3-403.21 của anh Nguyễn Xuân Đ2 ở Cụm 9, xã L để ở ven đường trước cửa nhà anh Đ2. Thấy không có người trông giữ nên Đ1 xuống lấy chiếc xe máy điện trên, còn C và H đứng canh giới. Đ1 dắt chiếc xe máy điện trên đi cách vị trí dựng chiếc xe ban đầu được khoảng 300m, rồi C lái chiếc xe máy biển kiểm soát 29X5-264.54 chở H ngồi phía sau, còn Đ1 ngồi lên chiếc xe máy điện dùng tay trái bám vào tay phải của H để H kéo Đ1 cùng chiếc xe máy điện về nhà C. Khi về đến nhà C thì C tháo bỏ biển số của chiếc xe máy điện vừa trộm cắp được và vớt gài cổng nhà C. Sau đó, H với C mang chiếc xe máy điện đến nhà anh Nguyễn Xuân H4 ở thôn C1, xã Gi và C một mình dắt chiếc xe máy điện vào bán cho anh H4 lấy số tiền 1.500.000 đồng. C chia cho mỗi người 500.000 đồng, cả ba đã chi tiêu hết số tiền trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momentum, màu đỏ đen, biển kiểm soát 29MĐ3-403.21, số máy A15X26001569, số khung 621509810450 đã qua sử dụng, có trị giá 7.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-ĐP ngày 18 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra. Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ2 tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh Đ2 trình bày chiếc xe bị mất đã được Cơ quan điều tra trao trả. Anh Đ2 đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H, Nguyễn Công Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H mỗi bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Công Đ1 từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trả lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không phải xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H4 số tiền 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã thực hiện trình tự, nội dung ban hành các văn bản và quyết định tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1 khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời khai của các bị cáo cũng được chứng minh bằng lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/01/2019, Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1 cùng nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Cả ba rủ nhau đến Cụm 9, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thấy có 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momentum, màu đỏ đen, biển kiểm soát 29MĐ3-403.21 của anh Nguyễn Xuân Đ2, có trị giá 7.500.000 đồng, để ở ven đường trước cửa nhà anh Đ2. Thấy không có người quản lý, Đ1 đã xuống lấy chiếc xe và cùng với C, H mang về nhà C. Sau đó, C đã tháo bỏ biển số của chiếc xe máy điện rồi đem bán cho anh Nguyễn Xuân H4 lấy số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền trên, C chia cho H, Đ1 mỗi người 500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

[3] Hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe máy điện như nêu trên của Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì không những xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe và đủ năng lực nhận thức nhưng do lười lao động, chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên các bị cáo đã phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ mà cùng thực hiện tội phạm. Trong vụ án thì bị cáo Đ1 là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy chiếc xe máy điện, còn bị cáo C, H đứng canh giới cho Đ1 và sau đó đem chiếc xe máy điện đi tiêu thụ. Bản thân bị cáo C đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản vào năm 2009 và tội Cướp giật tài sản vào năm 2016, trong đó bản án năm 2016 bị cáo C chưa được xóa án; bị cáo H năm 2015 bị xét xử về tội Cướp giật tài sản chưa được xóa án. Vì vậy, lần phạm tội này của C và H thuộc trường hợp “tái phạm”, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo C, H đều đã từng bị Ủy ban nhân dân huyện H1 quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, các bị cáo hiện vẫn sử dụng ma túy. Đối với bị cáo Nguyễn Công Đ1 cũng đã bị Ủy ban nhân dân huyện H1 quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện

bắt buộc năm 2010, hiện vẫn sử dụng ma túy. Điều đó, thể hiện nhân thân các bị cáo là xấu, không có ý thức cải tạo sửa chữa bản thân thành công dân tốt. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thích hợp để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo C, H phạm tội đều có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo C, H và Đ1 đều thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bản thân nghiện ma túy nên không có điều kiện về kinh tế để thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Anh Nguyễn Xuân H4 là người đã mua chiếc xe máy điện mà C và Đ1 bọn trộm cắp của anh Nguyễn Xuân Đ2, với giá là 1.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định khi mua tài sản này anh H4 không biết nguồn gốc là do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ2, người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị H3; anh Đ2 và chị H3 không yêu cầu gì về dân sự nên không phải xem xét.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Xuân H4 vắng mặt, tuy nhiên các bị cáo C, H và Đ1 đều tự nguyện bồi thường trả anh H4 số tiền 1.500.000 đồng nên chấp nhận. Phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momentum, màu đỏ đen, biển kiểm soát 29MĐ3-403.21, cơ quan điều tra đã trao trả vợ chồng anh Nguyễn Xuân Đ2, chị Nguyễn Thị H3 là phù hợp.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 29X5-264.54 mà Đ1 sử dụng cùng với H và C làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ bị cáo Đ1). Do bà T không biết việc Đ1 sử dụng chiếc xe máy này cùng Đ1 bọn đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không thu giữ đối với bà T là có căn cứ.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ C 13 (Mười ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04/01/2019.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Tài H 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 10/01/2019.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Đ1 09 (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 10/01/2019.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 587 Bộ luật dân sự, các bị cáo Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H4 số tiền 1.500.000 đồng, trong đó phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Vũ C, Đặng Tài H và Nguyễn Công Đ1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- Công an, VKSND huyện Đ;
- Cơ quan THAHS huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại, NLQ.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyên

